TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7 - 2020
V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Độ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết và ông Vũ Kim Cương

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Thao. Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc: *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thạc T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-4-2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thạc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân*:* Anh và chị Trần Thị Mỹ L đăng ký kết hôn ngày 29-12-2014 tại UBND phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5-2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên sảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6-2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ L.

Về nuôi con chung*:* Anh và chị L có một con chung là cháu Nguyễn Thạc Gia H, sinh ngày 07-01-2016, hiện đang sống cùng chị L. Ly hôn anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con thì công việc hiện nay của anh hàng ngày đi bán,

giao hàng cho các đại lý trong thành phố Y, anh không làm hợp đồng lao động với các cơ sở đại lý nhận hàng nào, chủ yếu anh giao hàng khi có đại lý yêu cầu, còn buổi tối anh đi làm thêm khoảng 2 giờ (từ 19 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút), công việc là hỗ trợ tại các trại chăn nuôi giống gà con, công việc này anh cũng không có hợp đồng, công việc anh làm thường xuyên liên tục. Anh T cung cấp xác nhận tổng thu nhập là 9.500.000 đồng/ tháng. Hiện nay anh đang sống cùng bố mẹ, đẻ ở tổ dân phố P, phường N, thành phố Y. Anh không có nhà riêng và cũng không có tài sản riêng nào khác. Với điều kiện như trên anh xác định có khả năng, đảm bảo có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con sau này. Đề nghị HĐXX xem xét giải quyết cho anh được nuôi con.

Về chia tài sản; nợ chung của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 08-5-2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như anh T đã trình bày là đúng, mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn, anh T không có việc làm ổn định và còn hay uống rượu về nhà đánh, chửi bới xúc phạm chị, không quan tâm tới gia đình, vợ, chồng chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 5 năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tại phiên tòa hôm nay chị đồng ý ly hôn.

Về con nuôi chung: Chị và anh T có một con chung là cháu: Nguyễn Thạc Gia H, sinh ngày 07-01-2016. Hiệncháu H đang sống ổn định cùng chị và đang đi học tại trường mầm non tư thục B, cháu đã quen với môi trường và hòa hợp với cuộc sống hiện tại. Ly hôn chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện, khả năng nuôi con: Hiện nay chị đang có công việc ổn định, chị cung cấp hợp đồng lao động và xác nhận tổng thu nhập hàng tháng của chị là 15.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc theo giờ hành chính, không phải tăng ca hay làm ngoài giờ. Với điều kiện như trên chị có đủ khả năng và điều kiện nuôi con, không ảnh hưởng tới sự phát triển bình thường của con chị sau này. Đề nghị HĐXX xem xét giải quyết cho chị được nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị Mỹ L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thạc T và chị Trần Thị Mỹ L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29-12-2014 tại UBND phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là

hôn nhân hợp pháp. Anh, chị xác định sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nên thường xảy ra cãi, chửi, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ tháng 5 năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Anh, chị đều thống nhất ly hôn.

Như vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh T là chính đáng, có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần xử cho anh Nguyễn Thạc T được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ L.

[3] Về nuôi con: Anh Nguyễn Thạc T và chị Trần Thị Mỹ L có một con chung là Nguyễn Thạc Gia H, sinh ngày 07-01-2016. Ly hôn cả hai anh, chị đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, xét yêu cầu của anh, chị là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật anh, chị đều có thu nhập, có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Nhưng xét thấy hiện nay cháu H đang sống ổn định cùng chị L, hơn nữa cháu H mới hơn bốn tuổi cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Do đó cần giao cháu H cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho tới khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Thạc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị L không yêu cầu).

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Anh Nguyễn Thạc T, chị Trần Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Thạc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị Mỹ L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thạc T được ly hôn chị Trần Thị Mỹ L.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thạc Gia H, sinh ngày 07-01-2016 cho chị Trần Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khicháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, anh Nguyễn Thạc T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Tùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thạc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0006318, ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái (anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- VKSND tp Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- UBND p. N, tp Y;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Độ